

Số: 13 /TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Ngày 17/06/2020, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Cùng với Luật Chứng khoán 2019 cũng bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2020 đã tạo nên khung hành lang pháp lý chặt chẽ hơn, có nhiều điểm mới về khuôn khổ quản trị công ty, đặc biệt là đối với công ty đại chúng.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ này cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động được trình bày tại các Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Điều lệ được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!



Phụ lục: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
(Đính kèm Tờ trình số 13/TTr-ĐHDCĐ, ngày 20 tháng 04 năm 2021)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là nội dung **in đậm và bôi màu**.
- Các nội dung chỉ thay đổi **Số thứ tự** do chỉnh sửa, bổ sung, thêm bớt một số điều sẽ không được nêu chi tiết trong Phụ lục này
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán .
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
<p>Điều lệ này của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật Chứng khoán số <u>70/2006/QH11</u> đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>29/06/2006</u> và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số <u>62/2010/QH12</u> đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010.</p> <p>Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc việc tiến hành các hoạt động của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của <u>Đại hội đồng cổ đông</u> tổ chức vào ngày tháng năm 2018.</p>	<p>Điều lệ này của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.</p> <p>Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc việc tiến hành các hoạt động của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 20 tháng 4 năm 2021</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật và thời gian Điều lệ được thông qua</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	Sửa cách ghi tiêu đề chương
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>b. "<u>Luật Doanh nghiệp</u>" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "<u>Luật Chứng khoán</u>" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010.</p>	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>...</p> <p>j. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>k. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p>	<p>Các thuật ngữ được điều chỉnh và bổ sung theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ mẫu - Phụ lục I Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p align="center">II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>	<p align="center">CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>	<p align="center">Sửa cách ghi tiêu đề chương</p>
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>4. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong <u>Quy chế Quản trị của Công ty</u>.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>4. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.</p> <p>Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p align="center">Chỉnh sửa theo Điều 12 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	Sửa cách ghi tiêu đề chương
<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:</p> <p>a. <u>Phát hành xuất bản; In và các dịch vụ liên quan đến in;</u></p> <p>b. <u>In và phát hành sách bổ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học, tư học và các loại sản phẩm giáo dục khác;</u></p> <p>c. <u>Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo đồng phục cho học sinh và lịch các loại;</u></p> <p>d. <u>Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo tư vấn du học, lập dự án đào tạo;</u></p> <p>e. <u>Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng Internet, qua các phương tiện viễn thông;</u></p> <p>f. <u>Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in;</u></p> <p>g. <u>Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;</u></p> <p>h. <u>Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy</u></p>	<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:</p> <p>a. Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa</p> <p>b. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở (Hoạt động quản lý nhà, chung cư) - Hoạt động điều hành, quản lý nhà và đất không phải để ở (Hoạt động điều hành, quản lý văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm, nhà kho, trung tâm thương mại...) <p>c. Xây dựng nhà để ở</p> <p>d. Xây dựng nhà không để ở</p> <p>e. Xây dựng công trình đường sắt</p> <p>f. Xây dựng công trình đường bộ</p> <p>g. Xây dựng công trình thủy</p> <p>h. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p>	<p>Chỉnh sửa ngành nghề kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p><u>hoc:</u></p> <p>i. <u>Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng đô thị;</u></p> <p>j. <u>Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;</u></p> <p>k. <u>Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;</u></p> <p>l. <u>Dịch vụ uỷ thác xuất, nhập khẩu;</u></p> <p>m. <u>Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hoá Công ty kinh doanh./.</u></p>	<p>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch</p> <p>i. Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học</p> <p>j. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu <p>k. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu <p>l. Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>m. Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>n. Xuất bản sách</p> <p>o. Hoạt động xuất bản khác</p> <p>p. In ấn</p> <p>q. Dịch vụ liên quan đến in</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>r. Giáo dục khác chưa được phân vào đầu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm ngoại ngữ - Dạy tin học - Dạy kỹ năng đàm thoại - Hoạt động giáo dục kỹ năng sống 	
<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.</p>	<p>Sửa đổi lại theo Điều 5, Điều lệ mẫu – Phụ lục 1 TT 116/2020/TT-BTC</p>
<p>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, <u>TRÁI PHIẾU</u></p>	<p>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CHỨNG KHOÁN KHÁC</p>	<p>Sửa cách ghi tiêu đề chương</p>
<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty vào ngày thông qua điều lệ này là 150.000.000.000VND (bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng Việt Nam)</p>	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty vào ngày thông qua điều lệ này là 150.000.000.000VND (bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng Việt Nam)</p>	<p>Sửa do Điều lệ sửa đổi sẽ bỏ Phụ lục 01 đính kèm như với Điều lệ hiện hành</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng /01 cổ phần.</p> <p><u>Vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này.</u></p> <p><u>Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>2. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được chi tiết tại Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này.</u></p>	<p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng /01 cổ phần.</p>	
<p>Điều 6. Sổ đăng ký cổ đông - Cổ phiếu</p> <p>1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính, trong trường hợp công ty đăng ký lưu ký tập trung tại <u>Trung tâm lưu ký hoặc công ty niêm yết</u> thì sổ đăng ký cổ đông còn được lưu giữ cả tại Trung tâm lưu ký.</p> <p>...</p> <p>3. Trường hợp, cổ phiếu được cấp dưới dạng chứng chỉ phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ</p>	<p>Điều 6. Sổ đăng ký cổ đông - Cổ phiếu</p> <p>1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính, trong trường hợp công ty đăng ký lưu ký tập trung tại cơ quan có chức năng lưu ký thì sổ đăng ký cổ đông còn được lưu giữ cả tại cơ quan này.</p> <p>...</p> <p>3. Trường hợp, cổ phiếu được cấp dưới dạng chứng chỉ phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ</p>	<p>Sửa tên cơ quan do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sẽ đổi tên và mô hình tổ chức theo quy định của Luật Chứng khoán nhưng tại thời điểm thông qua Điều lệ này thì chưa có quyết định chính thức.</p> <p>Bỏ nội dung “hoặc công ty niêm yết” do không phù hợp.</p> <p>Cập nhật dẫn chiếu Luật</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>đồng nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>đồng nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>...</p> <p>6. Trong trường hợp cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại cơ quan có chức năng lưu ký, trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</p>	<p>Bổ sung thêm quy định trong trường hợp công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và phải cấp lại cổ phiếu cho cổ đông chưa lưu ký</p>
<p>Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại <u>khoản 2 Điều 121 Luật doanh nghiệp</u> được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	<p>Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật do Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2014 đã chuyển thành Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 9. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ</p>	<p>Điều 9. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác,</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 133 Luật Doanh nghiệp.</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>đồng có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.</p> <p>3. <u>Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty và tuân theo các quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán hiện hành.</u></p> <p>4. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	<p>nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;</p> <p>3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:</p> <p>a. Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty;</p> <p>b. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.</p> <p>4. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	
<p>Điều 10. Phát hành trái phiếu <u>Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định tại Điều 127 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan.</u></p>	<p>Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	<p>Sửa nội dung câu từ theo quy định tại Điều 8 – Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p>	<p>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p>	<p>Sửa cách ghi tiêu đề chương</p>
<p>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p>Sửa cách ghi tiêu đề chương</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác quy định tại <u>Điều 140 Luật doanh nghiệp</u> và Điều lệ công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>...</p> <p>c. <u>Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</u></p> <p>...</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến chính cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác (yêu cầu và hồ sơ sửa đổi được thực hiện với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam);</p> <p>...</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>...</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>...</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>...</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu Luật tại điểm a</p> <p>- Chỉnh sửa lại điểm c, e theo quy định tại điểm d, đ Điều 12 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>k. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty</p>	<p>- Bổ sung thêm điểm k, l, m theo quy định tại điểm i, k, l Điều 12 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>l. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>m. Cổ đông có quyền được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty; nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án, Trọng tài đình chỉ thực hiện, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết nói trên theo quy định của Luật Doanh nghiệp;.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. <u>Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 3 Điều 26 và Khoản 2 Điều 35 Điều lệ này;</u></p> <p>b. <u>Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>c. <u>Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.</u></p> <p>d. <u>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng</u></p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ</p>	<p>Bỏ quy định về sở hữu cổ phần trong 6 tháng liên tục, quy định đề cử ứng viên HĐQT, BKS đối với cổ đông sở hữu từ 5% trở lên và sửa theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 12 – Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Bổ sung thêm thẩm quyền kiến nghị nội dung vào chương trình họp theo điểm d Khoản 2 Điều 12 - Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p><u>cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</u></p>	<p>phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	
<p>Không có</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số</p>	<p>Sửa lại theo Khoản 5 điều 115 Luật doanh nghiệp 2020 và Khoản 3 Điều 12 – Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	
<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	
<p>2. <u>Tham dự trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định; Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. 	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 6 Điều 13 – Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
Không có	<p>7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>8. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2, 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2, Khoản 5 Điều 13 – Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	Bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <u>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</u></p>	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Sử dụng thống nhất thuật ngữ “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” theo thuật ngữ được sử dụng tại Luật chứng khoán</p>
<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. <u>Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u></p> <p>c. <u>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá một phần ba (1/3) so</u></p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này</p> <p>- trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ Khoản b Điều lệ hiện hành do Luật Doanh nghiệp không còn quy định - Điều chỉnh lại điểm c Điều lệ hiện hành thành điểm b Điều lệ sửa đổi theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 140 và điểm a Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp - Cập nhật dẫn chiếu Luật tại điểm e Điều lệ hiện hành và điều chỉnh thành điểm d

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>với số quy định tại Điều lệ công ty - trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.</p> <p>...</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.</p> <p>...</p> <p>d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	
<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <u>Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhân được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này</u>. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa điểm a Khoản 4 Điều 14 Điều lệ hiện hành theo quy định tại Điều 140 và Điều 160 Luật Doanh nghiệp - Sửa điểm b do cập nhật dẫn chiếu Luật, Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014 đã chuyển thành Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020. - Bổ sung thêm điểm d theo Điều lệ mẫu – Phụ lục 1 TT 116/TT-BTC

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>. Trường hợp <u>Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty</u>.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <u>Điểm d Khoản 3</u> này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến</p>	<p>trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, những cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>		
<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p><u>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</u></p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p>	<p>Sửa và cập nhật căn cứ Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020 và Khoản 1 Điều 15 – Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<ul style="list-style-type: none"> h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật. 	
<p><u>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; 	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; 	<p>– Bổ sung theo Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 15 – Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p>	<p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>j. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>o. Thông qua định hướng phát triển của công ty;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	<p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>r. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.</p> <p>s. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là</p>	<p>Bổ sung điểm r theo điểm a Khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung các điểm s,t,u Theo Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Hội đồng Quản trị có quyền thông qua.</p> <p>t. Quyết định các hợp đồng và chấp thuận giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp; 	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p> <p>u. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
Điều 16. Các đại diện theo ủy quyền	Điều 16. Các đại diện theo ủy quyền	
<p><u>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.</u></p>	<p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa theo quy định tại khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Không có</p>	<p>Trường hợp cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông công ty không xác định</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 14 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần và số phiếu bầu sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.	
<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải <u>lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u></p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì <u>giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</u></p> <p><u>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</u></p>	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung, phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; 	<p>Sửa theo khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp</p> <p>(Lưu ý: Luật Doanh nghiệp quy định “Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự...”, không bắt buộc theo mẫu của Công ty)</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền; - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền; - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện; - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền; <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông <u>nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông</u> tham dự họp thông qua <u>đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua</u>. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường họp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực</p>	<p>Sửa theo quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 17 – Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</p>	
<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. <u>Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách này được lập không sớm hơn 30 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>...</p> <p>h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và</p>	<p>– Sửa điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ hiện hành theo quy định tại Khoản 1 điều 141 Luật Doanh nghiệp và Điểm a Khoản 2 Điều 18 – Điều lệ mẫu TT 116/2020</p> <p>– Bổ sung điểm i trong trường hợp Công ty tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;</p>	
<p>3. <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</u></p>	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc mà cổ đông đã đăng ký, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm</p>	<p>– Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 18 – Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; c. Phiếu biểu quyết; d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	
<p><u>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 18 trong các trường hợp sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> a. <u>Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</u> b. <u>Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này;</u> c. <u>Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> 	<p>5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị được quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Kiến nghị được gửi đến không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều này; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% số cổ phần phổ thông trở lên; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 	<p>Sửa theo quy định tại Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 142 Luật Doanh nghiệp. - Bỏ khoản 6 Điều 20 Điều lệ hiện hành do trùng với điểm d Khoản 3 Điều 18 Điều lệ sửa đổi
Không có	7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	Bổ sung theo Điều 152 Luật Doanh nghiệp
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một) tổng số phiếu biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.	Sửa theo quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất	Sửa theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p><u>cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba) tổng số phiếu biểu quyết.</u></p> <p><u>3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</u></p>	<p>không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p><u>2. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết <u>một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ</u></u></p>	<p>2. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu</p>	<p>- Bổ sung thêm nội dung về phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) tại Khoản 2 Điều lệ sửa đổi để phù hợp với thực tế phát sinh tại các ĐHCĐ. Sửa nội dung Khoản 2 và Khoản 4 theo Điểm a Khoản</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>có), trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/ bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ cuộc họp. Đại hội sẽ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ và nếu đại hội không chọn thì Chủ toạ sẽ chọn những người đó.</p> <p>3. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.</p> <p>4. Kết quả biểu quyết được Chủ toạ hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>1 Điều 20 – Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bổ sung khoản 3 trong trường hợp tổ chức họp trực tuyến. – Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ	Sửa theo điểm a Khoản 2 Điều 146 Luật

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội.</p>	<p>tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất hoặc Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Chủ tọa đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội.</p>	Doanh nghiệp
<p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p>	<p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p>	Cập nhật dẫn chiếu trong nội bộ Điều lệ do khoản 6 tại Điều lệ hiện hành đã chuyển thành Khoản 8 (bổ sung thêm 2 khoản 3,4 như đã đề cập ở trên)
<p><u>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	Sửa lại tiêu đề điều để thống nhất với Điều 148 Luật Doanh nghiệp
<p>3. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 3</p>	<p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được</p>	Sửa theo khoản 1 Điều 148 Luật Doanh

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p><u>Điều này, nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</u></p> <p>a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Loại cổ phần và <u>số lượng cổ phần được chào bán;</u></p> <p>c. Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể công ty;</p> <p>d. Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở nên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p> <p>e. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>f. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty</p>	<p><u>thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:</u></p> <p>a. Loại cổ phần và <u>tổng số cổ phần của từng loại;</u></p> <p>b. Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể công ty</p> <p>c. Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở nên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty</p>	<p>nghiệp</p>
<p>4. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ</u></p>	<p>4. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ</u></p>	<p>Điều chỉnh tỷ lệ thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ theo Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>chức hợp trực tiếp) hoặc <u>ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận</u> (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.</p>	<p>chức hợp trực tiếp) hoặc trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.</p>	
<p>5. Bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát <u>theo nguyên tắc dồn phiếu</u>. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>5. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp. Cụ thể, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty hoặc Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.</p>	
	<p>6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>quyết định</u>. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp và Điều 18 Điều lệ công ty</p> <p>Sửa thống nhất thuật ngữ quyết định – nghị quyết</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 18 Điều lệ này.	
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. <u>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng</u></p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý (Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác) của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng</p>	<p>Sửa theo khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p><u>quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></p>	<p>quản trị.</p>	
<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty <u>theo một trong các hình thức sau đây:</u></p> <p>a. <u>Gửi thư.</u> Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. <u>Gửi fax hoặc thư điện tử.</u> Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty <u>qua fax hoặc thư điện tử</u> phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, <u>thư điện tử là không hợp lệ.</u> Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p>	<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong</p>	<p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi đến các</p>	<p>Sửa theo Khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <u>Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.</u></p>	<p>cổ đông trong vòng (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	
<p><u>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành trừ những trường hợp quy định tại khoản 3 điều 21 điều lệ này và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>8. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Chỉnh sửa Khoản 4 Điều 148 và Khoản 8 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 23. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 23. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p><u>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công</u></p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p><u>ty.</u></p> <p><u>Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ toạ đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, nghị quyết, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p>đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này vẫn có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	
	<p>2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 23 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và tất cả các phụ lục đính kèm khác</p>	<p>Sửa theo Khoản 6 Điều 150 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	(nếu có) và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.	
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
<u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u>	Bỏ nội dung này, các nội dung còn lại của điều này giữ nguyên	Sửa theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Sửa cách ghi tiêu đề chương
Điều 26. Thành viên và nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị	Điều 26. Thành viên và nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là <u>ba (03) người</u> và nhiều nhất là <u>mười một (11) người</u> . Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05 người) . Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Sửa theo khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp
Tổng số thành viên <u>Hội đồng quản trị độc lập không điều hành</u> phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng	Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số	Số lượng thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>quản trị. <u>Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></p> <p>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tối thiểu một (01) thành viên. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	
<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</u></p>	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này. Cụ thể, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 10% đến dưới 20% được đề cử một (01) ứng viên; - Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; - Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; - Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; - Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 	<p>Sửa theo Điều 25 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Sửa lại số lượng ứng viên được đề cử đề theo nhóm tỷ lệ để đảm bảo thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ sửa đổi.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp đã bỏ quy định về thời gian nắm giữ cổ phần liên tục của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	sáu (06) ứng viên; – Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; – Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	
<p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế quản trị công ty. <u>Cơ chế đề cử hay cách thức</u> Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	Sửa theo khoản 3 Điều 25 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và</p>	Sửa theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. <u>Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	
<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. <u>Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</u></p> <p>b. <u>Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p>c. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc hay người điều hành khác hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty; quyết định</u></p>	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái</p>	<p>Sửa đổi căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 27 – Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p><u>mức lương và lợi ích khác của những người điều hành đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;</u></p> <p>d. <u>Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</u></p> <p>e. <u>Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</u></p> <p>f. <u>Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</u></p> <p>g. <u>Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</u></p> <p>h. <u>Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;</u></p> <p>i. <u>Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p>	<p>phiếu của công ty;</p> <p>e. <u>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>f. <u>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p> <p>g. <u>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p>h. <u>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>i. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử</u></p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>j. <u>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>k. <u>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p> <p>l. <u>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p>m. <u>Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</u></p> <p>n. <u>Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tam ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</u></p> <p>o. <u>Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.</u></p> <p>p. <u>Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.</u></p> <p>q. <u>Trình báo cáo tài chính kiểm toán năm lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>r. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>	<p>người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</p> <p>k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán ;</p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>p. Quyết định việc chào bán trái phiếu riêng lẻ, bao gồm loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất</p> <p>q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.</p> <p>r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.</p>	
<p><u>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</u></p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và Luật sư của Công ty;</p>	<p>4. Hội đồng Quản trị thảo luận và phê duyệt nhưng vấn đề trong phạm vi quyền và nghĩa vụ đã được nêu tại khoản 2 Điều này. Bên cạnh đó, những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật</p>	<p>Bổ sung câu chữ để không trùng lặp với nội dung của khoản 2 Điều này</p> <p>Lược bỏ một số nội dung đã trùng lặp tại khoản 2 Điều này</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>g. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>h. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>i. Việc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>j. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá</p>	<p>Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p> <p>b. Chỉ định và bãi nhiệm những người là đại diện thương mại có thẩm quyền và Luật sư của Công ty;</p> <p>c. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>d. Việc bán cổ phần, phần vốn góp của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>e. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>f. Quyết định giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>g. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình</p>	<p>hạn và trách nhiệm của mình.</p>	
<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch) hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p>
<p>Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	
<p>1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty.</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty.</p>	<p>Bổ sung và chỉnh sửa nội dung theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>
<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ</p>	<p>Bổ sung và chỉnh sửa nội dung theo Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>đồng và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. <u>Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, các thành viên còn lại có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.</u></p>	<p>đồng và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi <u>báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị</u> cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo kết quả kinh doanh của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Bổ sung và chỉnh sửa nội dung theo Khoản 1 Điều 175 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p> <p>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp; Khoản 4, khoản 5 Điều 29 Điều lệ mẫu – Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	
<p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và bổ sung thêm quy định tại khoản 1</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>đồng quản trị đề bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 29 và Khoản 1 Điều 30 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải <u>triệu tập</u> các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp các cuộc họp Hội đồng quản trị (trong đó xác định cụ thể chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định) ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p>	<p>Sửa theo Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.</p>
<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất <u>năm (05)</u></p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05)</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 30 – Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC</p> <p>Lưu ý: Khái niệm “người quản lý” rộng hơn khái niệm “người điều hành”.</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p><u>người điều hành khác;</u></p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát và thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</p>	<p>người quản lý khác;</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát và thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</p>	
<p>5. Trường hợp có yêu cầu của <u>công ty kiểm toán độc lập</u>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>5. Trường hợp có yêu cầu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>Sử dụng thống nhất thuật ngữ “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” theo thuật ngữ được sử dụng tại Luật chứng khoán.</p>
<p>7. <u>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp</u>. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và <u>các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp</u>.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi <u>bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác</u>, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như</u></p>	<p>7. Thời hạn gửi thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị, có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng</p>	<p>Sửa theo Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và bổ sung một số nội dung theo Khoản 6 Điều 30 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<u>đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</u>	phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.	
	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu được sử dụng trong cuộc họp đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu và thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết các vấn đề cần thông qua.</p>	Bổ sung theo Khoản 7 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p>	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về các vấn đề cần biểu quyết của Hội đồng bằng phương thức gửi phiếu</p>	Sửa đổi theo khoản 10 Điều 157 Luật doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>biểu quyết thông qua thư. Những phiếu biểu quyết này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho thư ký không muộn hơn 01 giờ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	
<p><u>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản.;</u></p>	<p>15. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.</p> <p>b. Nội dung của biên bản họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian và địa điểm họp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết 	<p>Sửa đổi theo điều 158 Luật doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>tại cuộc họp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; - Họ tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trong trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty thì biên bản này vẫn sẽ có hiệu lực thi hành. <p>c. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>d. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>e. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa hai biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>f. Biên bản họp Hội đồng quản trị là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi.</p>	
Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty	
<p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của <u>Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm chức danh Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho <u>công ty kiểm toán độc lập</u> đang thực hiện kiểm</p>	<p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính</p>	<p>Thống nhất dùng thuật ngữ “tổ chức kiểm toán được chấp thuận”</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p>	<p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham vấn và thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết về các vấn đề cần thông qua trong cuộc họp ;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có</p>	<p>Bổ sung theo Điều 32 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<p align="center">VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</p>	<p align="center">CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</p>	<p align="center">Sửa cách ghi tiêu đề chương</p>
<p><u>Điều 32. Người điều hành</u></p> <p><u>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</u></p> <p><u>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</u></p>	<p>Điều 32. Người điều hành công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Công ty.</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty</p>	<p>Sửa theo Điều 34 Điều lệ mẫu – Phụ lục 1 TT 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	
<p>1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về thù lao, mức lương, trợ cấp, quyền lợi khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Hội đồng Quản trị ký hợp đồng quy định mức lương, thưởng, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về thù lao, mức lương, thưởng, trợ cấp, quyền lợi khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều 35 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
IX. BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	Sửa cách ghi tiêu đề chương
Điều 35. Kiểm soát viên	Điều 35. Kiểm soát viên	
1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty	1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>là từ 03 đến 05 thành viên.</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của <u>khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>b. Không phải là <u>vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột</u> của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;</p> <p>d. Các Kiểm soát viên không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>e. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	<p>là 03 thành viên</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;</p> <p>d. Các Kiểm soát viên không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>e. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>f. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật do Điều 18 Luật doanh nghiệp 2014 đã chuyển thành Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Bổ sung thêm điểm f theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách</p>	<p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số</p>	<p>– Bổ sung theo điều 168 Luật doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc các chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>4. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	<p>4. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 10% đến dưới 20% được đề cử một (01) ứng viên; - Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 	<p>Sửa lại số lượng ứng viên được đề cử đề theo nhóm tỷ lệ để đảm bảo thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ sửa đổi.</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	ba (03) ứng viên; – Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; – Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên	
5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế quản trị công ty. <u>Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u>	5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế quản trị công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.	Sửa theo quy định tại Điều 36 – Điều lệ mẫu – Phụ lục I TT 116/2020/TT-BTC
7. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Luật doanh nghiệp</u> ; b. <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</u> ; c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.	7. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm hoặc xin miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và Khoản 2 Điều này ; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.	Sửa theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp
8. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các	8. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các	Sửa theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	<p>trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. d. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	
Điều 39. Ban kiểm soát	Điều 39. Ban kiểm soát	
<p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. <u>Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</u> b. <u>Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi</u> 	<p>1. Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, Điều 171 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của 	<p>Cập nhật dẫn chiếu luật do điều 165 Luật Doanh nghiệp 2014 đã chuyển thành Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Bổ sung theo điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ mẫu – Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p><u>bắt đầu việc kiểm toán;</u></p> <p>c. <u>Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</u></p> <p>d. <u>Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</u></p> <p>e. <u>Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</u></p> <p>f. <u>Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</u></p> <p>g. <u>Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</u></p> <p>h. <u>Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</u></p> <p>i. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48</p>	<p><u>công ty khi xét thấy cần thiết;</u></p> <p>b. <u>Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</u></p> <p>c. <u>Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</u></p> <p>d. <u>Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u></p> <p>e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>f. <u>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p>g. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p> <p>h. <u>Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của</u></p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>j. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>k. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	<p>sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>l. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</p> <p>m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	
<p>3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p>	<p>3. Ban Kiểm soát hoạt động theo Quy chế riêng sau khi quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 1 Điều 40 Điều lệ mẫu – Phụ lục I, Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>4. Mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của các Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>4. Mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của các Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban</p>	<p>Bổ sung theo Điều 41 Điều lệ mẫu – Phụ lục I, Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Sửa cách ghi tiêu đề chương
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 159 Luật doanh nghiệp</u> và các quy định pháp luật khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	Cập nhật dẫn chiếu Luật do Điều 159 Luật Doanh nghiệp 2014 đã chuyển thành Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020
<u>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác</u>	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
	chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	
<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>Bỏ nội dung này</p>	<p>Bỏ theo Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, công ty được phép cấp các khoản vay và bảo lãnh cho các đối tượng này trong trường hợp được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua. Hơn nữa, nội dung này đã được bổ sung thêm tại Điều 15 Điều lệ sửa đổi.</p>
<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trở</p>	<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính</p>	<p>Sửa để phù hợp với phạm vi chấp thuận hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 153 và Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp + Khoản 6 Điều 47 – Điều lệ mẫu TT 116/2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>xuống, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p>	<p>gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc</p>	
<p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn <u>20%</u> của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;</p>	<p>Sửa để phù hợp với phạm vi chấp thuận hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp + Khoản 6 Điều 47 – Điều lệ mẫu TT 116/2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông thông qua	c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông thông qua	
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	Sửa cách ghi tiêu đề chương
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong <u>khoản 3, Điều 12</u> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	Cập nhật dẫn chiếu tại Điều lệ này
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	Sửa cách ghi tiêu đề chương
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	Sửa cách ghi tiêu đề chương
Điều 44. Trích các quỹ	Điều 44. Trích các quỹ	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>Việc trích lập quỹ được thực hiện theo quy định của Pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân bổ vào các quỹ như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.</u> 2. <u>Quỹ dự phòng tài chính.</u> 3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi. 4. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật. <p>Các quỹ khác nếu có do Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.</p>	<p>Việc trích lập quỹ được thực hiện theo quy định của Pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân bổ vào các quỹ như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quỹ đầu tư phát triển 2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi 3. Các quỹ khác gồm Quỹ bổ sung vốn điều lệ, các quỹ khác theo quy định của pháp luật. <p>Các quỹ khác nếu có do Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.</p>	
<p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CÔNG TY</p>	<p>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CÔNG TY</p>	<p>Sửa cách ghi tiêu đề chương</p>
<p>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p>	<p>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p>	<p>Sửa cách ghi tiêu đề chương</p>
<p>Điều 50. Báo cáo năm, sáu tháng và quý</p>	<p>Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p>	
<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các</p>	<p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu Luật - Bỏ quy định về thời hạn 90 ngày do không</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
<p>quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <u>Điều 48 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</u></p>	<p>định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp luật hiện hành.</p>	<p>có quy định bắt buộc trong Luật Doanh nghiệp</p>
<p><u>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</u></p>	<p>Bỏ nội dung này</p>	<p>Bỏ quy định này do không phải quy định bắt buộc theo Luật Doanh nghiệp và có thể gây cản trở đối với hoạt động của doanh nghiệp.</p>
<p>XVI. CON DẤU</p>	<p>CHƯƠNG XVI. CON DẤU</p>	<p>Sửa cách ghi tiêu đề chương</p>
<p>XVII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẢN</p>	<p>CHƯƠNG XVII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẢN</p>	<p>Sửa cách ghi tiêu đề chương</p>
<p>Điều 55. Chấm dứt hoạt động</p>	<p>Điều 55. Chấm dứt hoạt động</p>	
<p>3. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo <u>hay xin</u> chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>3. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 59 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
XVIII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG XVIII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	Sửa cách ghi tiêu đề chương
XIX. NGÀY HIỆU LỰC	CHƯƠNG XIX. NGÀY HIỆU LỰC	Sửa cách ghi tiêu đề chương
Điều 59. Ngày hiệu lực	Điều 59. Ngày hiệu lực	
1. Bản điều lệ này gồm 19 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà nội nhất trí <u>thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở chính của Công ty, được sửa đổi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25 tháng 04 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 04 năm 2019.</u>	1. Bản điều lệ này gồm 19 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà nội nhất trí thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở chính của Công ty có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 04 năm 2021	Cập nhật thời gian thông qua Điều lệ này
PHỤ LỤC 01 CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY.	Bổ phụ lục này	Bổ Phụ lục này theo Điều lệ mẫu – Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC
<i>Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều khoản.</i>		